

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2021

V/v: Anh Hà Mạnh T xin ly hôn

chị Trần Thị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hà Mạnh T**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã TP, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Mạnh T trình bày:***

Anh và chị Trần Thị H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13 tháng 9 năm 2013 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính là do chị H có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác. Ban đầu, khi anh hỏi, chị H không thừa nhận, anh lập định vị theo dõi và bắt gặp chị H ngay tại nhà nghỉ, lúc này chị H mới thừa nhận, xin lỗi anh và hứa chấm dứt, vì thương con và muốn chị H có cơ hội sửa đổi, anh chấp nhận tha thứ. Nhưng chỉ khoảng 10 ngày sau, anh phát hiện chị H vẫn lén lút nhắn tin, đi sớm về muộn, anh tiếp tục đặt định vị theo dõi và được biết chị H vẫn qua lại với người đàn ông trên. Anh đã mời đại diện hai bên gia đình đến nói chuyện, phân tích, khuyên bảo, chị H không thừa nhận và nói đã chấm dứt mọi quan hệ trên, chỉ sau khi anh đưa bản check camera nhà nghỉ thì chị H mới thừa nhận, xin lỗi anh và gia đình, lần thứ hai anh chấp nhận tha thứ. Tuy nhiên, cuộc sống sau đó giữa anh và chị H thực sự không còn hạnh phúc, để lo kinh tế gia đình anh phải đi làm từ sáng sớm đến tối muộn nhưng chị H chỉ thích ăn, thích chơi, không chu toàn, vun vén, chăm lo cuộc sống gia đình, chồng con. Tháng 9 năm 2020, do mâu thuẫn căng thẳng, chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Mễ Sơn 2, xã TP, huyện V, tỉnh Thái Bình ở từ đó đến nay, anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh xác định anh không còn tình cảm, không còn niềm tin với chị H, chị H đã phản bội anh không chỉ một lần mà còn nhiều lần, cuộc sống chung khiến anh cảm thấy mệt mỏi, chán nản, anh không thể chấp nhận một người vợ như chị H, do đó, anh cương quyết xin ly hôn chị H, anh không chấp nhận đoàn tụ.

Anh và chị Trần Thị H có một con chung là Hà Mỹ C, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2014. Ly hôn, vì con đang ở cùng chị H ổn định, anh đề nghị Tòa án giao con C cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, do chị H không yêu cầu nên anh không cấp dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm với con nhưng đó là việc riêng của anh. Anh hiện làm nghề tự do, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/01 tháng.

Anh và chị Trần Thị H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại bản tự khai đề ngày 11 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:***

Chị và anh Hà Mạnh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13 tháng 9 năm 2013 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị có quan hệ tình cảm với người khác, sau khi bị anh T phát hiện, chị đã xin lỗi, anh T đồng ý cho chị cơ hội để sửa chữa, từ đó đến nay chị đã chấm dứt mối quan hệ đó, toàn tâm toàn ý với gia đình nhưng anh T không tin tưởng chị, vẫn nghi ngờ ghen tuông vô cớ. Tháng 9 năm 2020, anh T đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã phải đưa con về nhà bố mẹ để chị ở từ đó đến nay, anh T không tìm gọi chị về. Nay anh T xin ly hôn chị, chị xác định chị vẫn còn tình cảm với anh T, con chị cần có sự nuôi dưỡng chăm sóc của cả bố, cả mẹ, chị đề nghị Tòa án phân tích để anh T suy nghĩ lại, cho chị cơ hội quay về đoàn tụ. Nếu anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị, chị vẫn không đồng ý ly hôn.

Chị và anh Hà Mạnh T có một con chung là Hà Mỹ C, sinh ngày 18 tháng 2 năm 2014, đang ở cùng chị. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/01 tháng nên chị đủ điều kiện để nuôi con, mặt khác, việc chị nuôi con có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị.

Về tài sản chung giữa chị và anh Hà Mạnh T, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị và anh T không đi vay và không cho ai vay nợ chung.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 11 tháng 6 năm 2021, với sự chứng kiến của ông Trần Văn H, bà Trương Thị HH (bố mẹ đẻ chị H), cháu Hà Mỹ C trình bày:***

Bố đẻ cháu là Hà Mạnh T. Mẹ đẻ cháu là Trần Thị H. Hiện cháu đang ở cùng mẹ đẻ cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ đẻ cháu.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 11 tháng 6 năm 2021, bà Trần Thị R (mẹ đẻ anh Hà Mạnh T) trình bày:***

Anh T, chị H kết hôn năm 2013. Về mâu thuẫn giữa anh chị là có và xảy ra vào năm 2019. Nguyên nhân chính là do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ cuối năm 2020 chị H đưa về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị H, là mẹ, lúc nào bà cũng mong muốn các con được hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ. Nếu anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị H, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Anh T, chị H có một con chung là cháu Hà Mỹ C, sinh năm 2014, đang ở cùng chị H. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con C cho chị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con là việc của anh T, chị H, bà không có ý kiến gì.

Anh T, chị H không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 11 tháng 6 năm 2021, ông Trần Văn H và bà Trương Thị HH (bố mẹ đẻ chị Trần Thị H), trình bày:***

Chị H, anh T kết hôn năm 2013. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nghi ngờ chị H ngoại tình, hay đánh đập chị H. Tháng 9 năm 2020 chị H đưa con về nhà ông bà ở từ đó đến nay. Trong thời gian này, ông bà không thấy anh T điện thoại hay tìm gặp chị H hoặc tìm gặp ông bà để nói chuyện. Nay anh T xin ly hôn chị H, là cha mẹ, ông bà luôn mong muốn các con đoàn tụ nhưng nếu anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị H, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị H, anh T có một con chung là cháu Hà Mỹ C, sinh năm 2014, đang ở cùng chị H và ông bà. Nếu anh chị ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giao con C cho chị H nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ chị H trong việc trông nom, chăm sóc con. Việc cấp dưỡng cho con C, tùy anh chị quyết định, ông bà không can thiệp.

Việc giải quyết liên quan đến tài sản của chị H, anh T, về phía ông bà không có ý kiến gì.

**** Tại biên bản xác minh ngày 11 tháng 6 năm 2021, đại diện thôn B, đại diện UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh T, chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13 tháng 9 năm 2013. Về mâu thuẫn giữa anh T, chị H là có, xảy ra vào năm

2019, do chị H có quan hệ tình cảm với người khác, anh T không tha thứ. Từ cuối năm 2020 đến nay chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, không sinh sống tại nhà anh T. Nay anh T xin ly hôn chị H, về phía chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh T, chị H có một con chung là cháu Hà Mỹ C, sinh năm 2014. Về nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Việc giải quyết liên quan đến tài sản của anh T, chị H, về phía chính quyền địa phương không có ý kiến gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Xử cho anh T được ly hôn chị H. Giao cháu C cho chị H nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Không giải quyết về tài sản chung. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Hà Mạnh T khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị H, chị H có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh

chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Ngày 15 tháng 7 năm 2021 anh Hà Mạnh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh T, chị H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Hà Mạnh T và anh Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35-2013, quyển số 04, ngày 13 tháng 9 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn giữa anh T, chị H là có. Nguyên nhân chính là do chị H không chung thủy, có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác. Anh T xác định anh không còn tình cảm, niềm tin với chị H, anh cương quyết ly hôn. Chị H thừa nhận việc ngoại tình nhưng chị không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ, tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nhiều lần chị H vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ chị H không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T, chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ tháng 9 năm 2020 đến nay anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh Hà Mạnh T và chị Trần Thị H có một con chung là cháu Hà Mỹ C, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2014, đang ở cùng chị H. Xét thấy, cháu C là con gái, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, để cháu C ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập và theo nguyện vọng của cháu, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu C là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, anh T, chị H không yêu cầu, do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Anh Hà Mạnh T và chị Trần Thị H đều không có yêu cầu, đề nghị gì, anh chị cũng không có nghĩa vụ về tài sản, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Hà Mạnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền là 300.000 đồng.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh Hà Mạnh T, chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hà Mạnh T và chị Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Mỹ C, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2014. Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Hà Mạnh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Hà Mỹ C.

2.2. Anh Hà Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Hà Mạnh T, chị Trần Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hà Mạnh T phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000810 đề ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 7 năm 2021). Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 35-2013, quyền số 04, ngày 13 tháng 9 năm 2013);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

